

RELATIVE CLAUSE (WHO, WHOM, WHOSE)

(MỆNH ĐỀ QUAN HỆ VỚI WHO, WHOM, WHOSE)

A. Theory (Lý thuyết)

- **Chức năng của mệnh đề quan hệ:** Mệnh đề quan hệ (Relative Clauses) là một mệnh đề dùng để làm rõ nghĩa danh từ hoặc đại từ đứng trước nó, được nối với mệnh đề chính bằng những đại từ quan hệ/trạng từ quan hệ.

Đại từ quan hệ	Who	Whom	Whose
Chức năng	Được dùng để thay thế cho danh từ chỉ người hoặc cho đại từ đóng vai trò là chủ ngữ.	Được dùng để thay thế cho danh từ chỉ người hoặc cho đại từ đóng vai trò là tân ngữ.	Được dùng để thay thế cho tính từ sở hữu trong câu.
Công thức	 N (chỉ người) + Who + V	 N (chỉ người) + Whom + S + V	 N (chỉ người hoặc vật) + Whose + N + V/ S + V
Ví dụ	<i>Santa Claus gave me a present. He was very lovely.</i> Trong ví dụ trên ta thấy ở câu thứ hai, “<i>he</i>” là đại từ nhân xưng đóng vai trò là chủ ngữ và thay thế cho “<i>Santa Claus</i>”. Vì thế, ta sẽ dùng đại từ quan hệ “<i>who</i>” để nối hai câu lại với nhau. -> <i>Santa Claus who gave me a present was very lovely.</i>	<i>This is my mother. I love her very much.</i> Trong ví dụ trên ta thấy ở câu thứ hai, “<i>her</i>” là đại từ nhân xưng đóng vai trò là tân ngữ và thay thế cho “<i>my mother</i>”. Vì thế, ta sẽ dùng đại từ quan hệ “<i>whom</i>” để nối hai câu lại với nhau. -> <i>This is my mother whom I love very much.</i>	<i>Peter is crying in the yard. His dog went missing.</i> Trong ví dụ trên ta thấy ở câu thứ hai, “<i>his</i>” là tính từ sở hữu và để thay thế cho “<i>Peter’s</i>”. Vì thế, ta sẽ dùng đại từ quan hệ “<i>whose</i>” để nối hai câu lại với nhau. -> <i>Peter whose dog went missing is crying in the yard.</i>
Lưu ý	 - Trong một số trường hợp ở vẫn nói, “Who” có thể thay thế cho “Whom”. <u>EX:</u> <i>The people whom/ who I spoke to were travelers.</i> - Chúng ta cũng có thể lược bỏ “Whom” trong câu. <u>EX:</u> <i>The woman whom I adore most is my mother.</i> - Khi “Whom” làm từ bỏ túc cho một giới từ, ta có thể để giới từ trước Whom. <u>EX:</u> <i>The people to whom I spoke were travelers.</i> - Giới từ không được đứng trước “Who”. <u>EX:</u> <i>The people to who I spoke were travelers.</i>	Sau “Whose” không được sử dụng mạo từ. <u>EX:</u> <i>Sarah, whose a dog went missing, is crying in the yard.</i> 	

B. Exercises (Bài tập)

Exercise 1: Choose the correct answers (Chọn đáp án đúng)

1. The girl to _____ I spoke is my cousin.
2. The woman _____ you saw yesterday is my girlfriend.
3. The man _____ gives me a card is a teacher.
4. Jisoo found a cat _____ leg was broken.
5. The house _____ windows are blue is my grandparents'.
6. I know the boy _____ won our school's marathon contest last year.
7. Was that the lady _____ money was stolen yesterday?
8. My brother _____ is very good at sports is a member of the school's football team.
9. The lady _____ dress is red is a celebrity.
10. Our teacher was the one _____ marked our tests.
11. This is the guy _____ my best friend fell in love with.
12. That is the boy _____ helped me to find my house.
13. These are the children _____ parents passed away.
14. The child _____ played in the yard was my brother.
15. The man _____ bicycle you borrowed yesterday is my uncle.



Exercise 2: Use relative pronouns "who", "whose", "whom" to complete sentences.

(Sử dụng các đại từ quan hệ "who", "whose", "whom" để hoàn thành câu)

Example: The woman/ I met/ yesterday/ is a teacher.

➤ The woman whom I met yesterday is a teacher.

1. The man / met my sister / is a doctor.
➤ _____
2. He has written/ a book/ name/ I've forgotten.
➤ _____
3. The girl / sits next to me / is the new student.
➤ _____

4. The man / she married / is a lawyer / in New York City.

➤ _____

5. The teacher / I talked to after class/ is very strict.

➤ _____

6. The woman / teaches my class / has a PhD.

➤ _____

7. The person/ is standing over there/ is my cousin.

➤ _____

8. The boy / won the competition / is my friend.

➤ _____

9. It was Rick/ gave you the gift.

➤ _____

10. The house/walls are grey/ is mine.

➤ _____

11. This is the girl/ parents/ got divorced/ last month.

➤ _____

12. There are/ many people/ prefer/ environmental-friendly products.

➤ _____

13. The athlete / broke the record / is from Jamaica.

➤ _____

14. I wrote an email/ to my sister/ lives in Italy

➤ _____

15. Do you know/ the man/ my father/ is talking to?

➤ _____



Exercise 3: Read the following sentences carefully and identify any errors related to the use of relative pronouns. Write down the error and the correction in the space provided. (Đọc kỹ các câu sau và xác định lỗi liên quan đến việc sử dụng đại từ quan hệ. Viết ra lỗi và sửa lại cho đúng)

Example: The man who jacket is black is my father.

➤ Error: _____ **who** _____

➤ Correction: _____ **whose** _____

1. The company, which its headquarters are in New York, is expanding its operations in Europe.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
2. The man, whose I met at the conference last year, is a renowned scientist.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
3. The book, which its author is my favorite novelist, has received rave reviews.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
4. The woman to whose I talked on the phone was very helpful.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
5. The man whom car is broken is injured.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
6. The teacher who's classes are always full is very popular.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
7. The girl, who brother is a famous actor, is also very talented.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
8. The child, whom mother was waiting for at the bus stop, arrived late.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
9. The boy whom brother is in my class is very smart.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____
10. The woman whose I borrowed a car is my neighbor.
➤ Error: _____
➤ Correction: _____

